

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VỀ KIỀU HỒI NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

Phạm Văn Hùng*, Trần Thanh Long**

Ngày nhận: 2/01/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/01/2016

Ngày duyệt đăng: 25/01/2016

Tóm tắt:

Bài viết này tập trung phân tích đánh giá thực trạng chính sách thu hút và sử dụng kiều hối tại Việt Nam. Các chính sách liên quan đến kiều hối có thể chia thành hai nhóm: Thứ nhất là nhóm chính sách về ngoại hối (có liên quan đến dòng chảy kiều hối) và thứ 2 là nhóm chính sách liên quan đến môi trường đầu tư (ảnh hưởng đến mục tiêu và phương thức sử dụng kiều hối). Trên cơ sở phân tích thực trạng, bài viết đề xuất 3 nhóm khuyến nghị giải pháp hoàn thiện chính sách thu hút và sử dụng kiều hối trong thời gian tới. Các khuyến nghị giải pháp bao gồm: (i) các chính sách liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài; (ii) Chính sách đối với lao động xuất khẩu; (iii) Các chính sách liên quan đến môi trường đầu tư.

Từ khóa: Kiều hối; đầu tư; chính sách.

Improving remittance policy for investment for economic development in Vietnam

Abstract

This paper analyzes and evaluates the improvement process of remittance policies in Vietnam. The remittance policies can be classified into two groups including the policies for foreign currency and the policies for investment promotion. Based on the assessment of Vietnam's current situation, the paper proposes some solutions for improving policies for attracting and effectively using remittance, including: (i) policies for overseas Vietnamese; (ii) policies for exported Vietnamese labour; and (iii) policies related to investment environment.

Keywords: Remittance; investment; policy.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm vừa qua, kiều hối là một trong những nguồn lực quan trọng bổ sung cho tích lũy của nền kinh tế Việt Nam. Năm 2014, kiều hối chảy vào Việt Nam đạt 12,5 tỷ USD tương đương với vốn FDI thực hiện (12,35 tỷ USD) và gần gấp 3 vốn ODA ký kết của năm đó (4,362 tỷ USD). Tuy nhiên, tại Hội thảo “Mối quan hệ giữa kiều hối và hoạt động đầu tư: một số vấn đề lý luận và thực tiễn” tổ chức ngày 11 tháng 12 năm 2015 tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, có một số đại biểu đặt ra câu hỏi là với nguồn lực tương đương nhau thì FDI có đóng góp rất đáng kể cho tăng trưởng, tạo công ăn việc làm... trong khi đóng góp của kiều hối vẫn còn mờ nhạt? Một trong những nguyên nhân chính mà

các nhà khoa học đề cập đó chính là hạn chế về chính sách về kiều hối mà đặc biệt là chính sách liên quan đến sử dụng kiều hối.

Chính sách liên quan đến kiều hối bao gồm hai nhóm: nhóm chính sách về ngoại hối điều chỉnh trực tiếp các khoản ngoại tệ chảy xuyên biên giới trong đó có kiều hối và nhóm chính sách liên quan đến việc sử dụng kiều hối mà các chính sách liên quan đến môi trường đầu tư có ý nghĩa hết sức quan trọng. Cho đến nay, vẫn chưa có các nghiên cứu hệ thống liên quan đến cả hai nhóm chính sách này. Bài viết sử dụng một số phương pháp nghiên cứu truyền thống như phân tích, so sánh, đối chiếu, suy luận logic...

Bài viết này tổng kết và đánh giá quá trình hoàn

thiện chính sách liên quan đến kiều hối và sử dụng kiều hối trong gần 30 năm trở lại đây (từ khi Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa). Mục tiêu của bài viết là chỉ ra những thành tựu, kết quả tích cực cũng như những hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, bài viết khuyến nghị một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính sách về kiều hối, đặc biệt là chính sách định hướng dòng kiều hối vào lĩnh vực đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nhằm phát triển nền kinh tế quốc dân.

2. Quá trình hoàn thiện chính sách về kiều hối tại Việt Nam thời gian qua

Cùng với quá trình đổi mới và mở cửa, chính sách liên quan đến dòng chảy kiều hối của Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực theo hướng nới lỏng các đối tượng, nội dung và phạm vi kiểm soát. Cụ thể:

2.1. Chính sách ngoại hối liên quan đến kiều hối

Giai đoạn trước 1986, chuyển tiền ngoại hối chỉ áp dụng với một số ngoại tệ mạnh như USD, GBP, DM, CAD, JPY... Kiều hối chủ yếu chảy qua ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) hoặc ngân hàng được VCB ủy quyền. Người thụ hưởng phải có giấy phép nhận kiều hối (do Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương cấp) hoặc người nhận kiều hối phải làm đơn xin công an địa phương cư trú cấp “sổ nhận kiều hối”; đơn phải khai rõ tên người gửi tiền, quan hệ với người gửi tiền từ nước ngoài... Sổ kiều hối còn quy định hạn mức và số lần nhận tiền. Người nhận kiều hối không được rút tiền mặt ngoại tệ mà chỉ được nắm giữ ngoại tệ trên tài khoản ngân hàng. Khi có nhu cầu phải rút bằng VNĐ và cũng chỉ được rút theo hạn mức nếu dùng vào mục đích tiêu dùng. Lệ phí chuyển tiền là 1% và người thụ hưởng phải nộp khi nhận tiền.

Giai đoạn từ 1987 đến 1995: việc chuyển ngoại hối được mở rộng áp dụng cho tất cả các loại ngoại tệ. Ngoài VCB và các ngân hàng được VCB ủy nhiệm được thực hiện chi chuyển kiều hối, dịch vụ chuyển tiền giai đoạn này được mở rộng thêm tới các tổ chức làm dịch vụ kiều hối bằng vàng. Trong giai đoạn này, người thụ hưởng kiều hối có thể nhận tiền mà không cần giấy phép. Tuy nhiên, vẫn chưa được rút ngoại tệ mà phải bán lại cho ngân hàng với tỷ giá có thưởng hoặc gửi tiết kiệm tại ngân hàng hay mở tài khoản giao dịch bằng ngoại tệ. Người thụ hưởng không được nhận tiền mặt nhưng được nhận hối phiếu hoặc chứng từ có giá bằng ngoại tệ để mua

hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng có làm dịch vụ thu đổi ngoại tệ.

Giai đoạn 1996-1999: Từ khi có quyết định số 45/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và thông tư 27/TC-TCT ngày 20/1/1995 của Bộ Tài chính, người thụ hưởng kiều hối chưa được phép nhận ngoại tệ bằng tiền mặt mà vẫn chỉ được nhận dưới hình thức mở tài khoản ngoại tệ hoặc tài khoản tiết kiệm ngoại tệ tại ngân hàng. Người thụ hưởng nhận kiều hối bằng VNĐ theo tỷ giá mua bán của VCB. Người nhận kiều hối phải chịu mức thuế 5% của tổng số kiều hối nhận được. Dịch vụ chuyển, chi kiều hối được mở rộng tới cả các doanh nghiệp, hay tổ chức tham gia thực hiện dịch vụ này sau khi đã ký kết hợp đồng đại lý với VCB.

Giai đoạn từ 1999 đến nay: chính sách cho kiều hối đã thông thoáng hơn rất nhiều sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg và Thông tư hướng dẫn số 02/2000/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước. Theo đó, người Việt Nam ở nước ngoài được khuyến khích chuyển tiền về nước, các kênh chuyển tiền kiều hối giờ đây đã đa dạng hóa hơn: không chỉ các ngân hàng thương mại mà kể cả bưu điện cho đến các tổ chức, cá nhân được phép làm dịch vụ nhận, chuyển, chi trả kiều hối. Thậm chí kiều hối có thể được mang theo người từ nước ngoài vào Việt Nam. Sau 1999, người thụ hưởng đã được nhận kiều hối bằng ngoại tệ tiền mặt hoặc bằng VNĐ quy đổi tùy theo nhu cầu. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, từ ngày 11/12/2013, người thụ hưởng kiều hối có thể nhận bằng tiền VND hoặc bằng ngoại tệ theo yêu cầu và không phải đóng thuế thu nhập đối với các khoản ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về. Người thụ hưởng có thể bán ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng hay được phép chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ cá nhân... Bên cạnh đó, các giải pháp mở rộng mạng lưới chuyển tiền và chi trả kiều hối được thực hiện qua các kênh: hệ thống ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế, hải quan, bưu điện... tạo thuận lợi cho hoạt động gửi tiền về nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Số lượng các đơn vị chi trả kiều hối tăng cao với 23 công ty, 47 ngân hàng, người nhận kiều hối được giao tiền tận nhà, có thể nhận bằng tiền đồng hay ngoại tệ tùy chọn với chi phí rất cạnh tranh. Bên cạnh đó, Các ngân hàng thương mại và công ty chuyển tiền đã không ngừng phát triển dịch vụ chuyển tiền kiều hối với tính cạnh tranh rất cao: tăng cường đầu tư công nghệ hiện đại xử lý giao

dịch thanh toán chuyển tiền, đáp ứng nhu cầu phục vụ khách hàng nhanh chóng, thuận tiện. Thủ tục chuyển tiền khá đơn giản và nhanh chóng. Thông thường chỉ trong vòng 24 giờ là người ở Việt Nam nhận được tiền kể cả ở vùng quê. Do chính sách thông thoáng hơn nên dòng chảy kiều hối vào Việt Nam cũng nhiều hơn (Nguyễn Xuân Thành, 2004).

2.2. Các chính sách khác liên quan đến kiều hối, môi trường đầu tư

Cùng với chính sách đổi mới, môi trường đầu tư tại Việt Nam liên tục cải thiện. Điều này góp phần cải thiện dòng chảy kiều hối cả về số lượng và chất lượng. Thực tế cho thấy, môi trường đầu tư kinh doanh ở Việt Nam ngày càng được cải thiện nhờ phát triển cơ sở luật pháp, các thể chế kinh tế thị trường, rút ngắn thời gian khai nộp thuế, thông quan; giảm mức thuế, lãi suất và nới lỏng hạn mức, điều kiện tín dụng, cùng với sự giảm nhẹ áp lực nợ xấu và gia tăng ổn định hệ thống ngân hàng; tăng cường thông tin định hướng, cải thiện chất lượng dịch vụ công; thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nói “room” và tăng tự do hóa cho các nhà đầu tư, sự bình đẳng thị trường cho các nhà đầu tư nước ngoài và tư nhân; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các khu vực doanh nghiệp. Đặc biệt, những hỗ trợ giảm

thiểu cùng lúc cả ba gánh nặng tài chính - tín dụng và thể chế cho doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Chính phủ ngày càng chủ động và quyết liệt chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường phối hợp, cả trong xây dựng, triển khai thực hiện và tiếp tục quá trình hoàn thiện chính sách; chủ động “lắng nghe thông tin phản hồi và hành động”; tiếp thu kiến nghị và kịp thời chỉnh sửa, tháo gỡ những vướng mắc và bất cập chính sách, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Ngoài chính sách đầu tư nói chung được cải thiện, chính sách thu hút và khuyến khích đầu tư của Việt kiều trong hơn 20 năm qua đã có sự cải thiện rõ rệt. Đặc biệt, nhờ chính sách cho Việt kiều mua nhà đất ở Việt Nam (từ 2015) nên việc thu hút Việt kiều cũng trở nên mạnh mẽ hơn (Ngọc Toàn, 2015).

3. Thực trạng dòng chảy kiều hối và sử dụng kiều hối cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh tại Việt Nam

3.1. Thực trạng dòng chảy kiều hối vào Việt Nam giai đoạn 2000-2015

Do những chuyển biến tích cực của các chính sách ngoại hối và các chính sách khác liên quan đến kiều hối như trình bày ở trên, dòng chảy kiều hối vào Việt Nam không ngừng gia tăng. Nếu như năm 2000, kiều hối mới chỉ hơn 1,7 tỷ USD thì từ năm 2004, dòng kiều hối vào Việt Nam đã vượt con số 3

Bảng 1: Dòng chảy kiều hối vào Việt nam giai đoạn 2000-2015

Năm	Giá trị kiều hối vào Việt Nam(triệu USD)	Tỷ lệ % kiều hối trên GDP
1990-1999	0,68	-
2000	1.757	5,60
2001	1.820	5,60
2002	2.100	6,10
2003	2.700	6,70
2004	3.200	7,00
2005	3.800	7,20
2006	4.700	8,60
2007	5.500	9,40
2008	7.205	8,90
2009	6.283	7,80
2010	8.260	8,10
2011	9.000	7,60
2012	10.500	8,80
2013	11.000	8,00
2014	12.500	6,5
2015 (dự kiến)	13.000	6,65

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế TW và tổng hợp của tác giả.

tỷ USD. Ước tính, từ năm 2000 đến hết năm 2015 tổng giá trị kiều hối chuyển vào Việt Nam khoảng 103 tỷ USD (chưa kể dòng chảy phi chính thức). Năm 2010, Việt Nam được Ngân hàng Thế giới xếp vị trí 16/20 quốc gia tiếp nhận nguồn kiều hối lớn nhất thế giới, đứng thứ 2 Đông Nam Á sau Philippines. Năm 2012, dòng chảy kiều hối vào Việt Nam bắt đầu vượt con số 10 tỷ USD và dự kiến năm 2015 sẽ đạt con số khoảng 13 tỷ USD (D. Ratha, S. Mohapatra & A. Silwal, 2011).

Phần lớn giá trị kiều hối Việt Nam nhận được từ Hoa Kỳ, Canada và Pháp, trong đó khoảng trên 50% từ Hoa Kỳ và phần lớn được gửi về Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh có đông người lao động ở nước ngoài. Các vùng nhận kiều hối đang được mở rộng đến các tỉnh nhỏ và khu vực thôn quê, nơi tập trung gia đình có công nhân xuất khẩu lao động như Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An,... (Phan Long, 2014).

3.2. Thực trạng dòng chảy kiều hối cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh

Theo kết quả khảo sát do Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương và Western Union thực hiện năm 2014, chỉ có khoảng 27-30% giá trị kiều hối được đầu tư trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khoảng 11% là gửi ngân hàng, đầu tư kinh doanh vàng khoảng 20% và từ 16-17% đổ vào lĩnh vực bất động sản, phần còn lại cho tiêu dùng cá nhân. Mặc dù vậy, đánh giá của chúng tôi là vai trò của kiều hối đối với nền kinh tế nói chung và đối với Việt Nam nói riêng về cơ bản là tích cực. Ngoài phần đầu tư trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phần gửi ngân hàng cũng là nguồn tiềm năng cho đầu tư nếu có chính sách thỏa đáng và môi trường đầu tư được cải thiện. Mặt khác, kể cả phần kiều hối được sử dụng cho tiêu dùng thì phần này cũng sẽ đóng góp trực tiếp gia tăng tổng cầu và sau đó là gia tăng đầu tư (Võ Trí Thành, 2015).

Thực tế cũng cho thấy, việc sử dụng kiều hối như thế nào cũng có sự khác nhau giữa các tỉnh, thành. Ví dụ, người nhận kiều hối tại TP. Hồ Chí Minh dành tới 44%-45% tổng kiều hối nhận được để phục vụ chi tiêu hàng ngày, trong khi tại các tỉnh miền Trung như Nghệ An, Quảng Bình,... có nhiều người đi xuất khẩu lao động nên phần lớn người dân dùng để trả nợ. Tại Hà Nội, Nghệ An, kiều hối còn được đóng góp để xây dựng nhà thờ cho dòng tộc. TP. Hồ Chí Minh có tỷ trọng kiều hối chiếm 40-45% tổng lượng kiều hối cả nước. Theo Ngân hàng Nhà nước

chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, riêng lượng kiều hối chuyển về qua các ngân hàng, công ty trên địa bàn TP.HCM trong năm 2014 ước đạt 5- 5,1 tỉ USD (tăng 200-300 triệu USD so với năm 2013), chủ yếu chảy vào sản xuất, kinh doanh với 71,4% (năm 2013 là 70,2%), bất động sản khoảng 22,1% (năm 2013 là 20%); còn lại là hỗ trợ sinh hoạt của gia đình.

Từ kết quả trên, đánh giá một cách công bằng thì chính sách kiều hối tại Việt Nam đã có những cải thiện tích cực. Tuy nhiên, một số hạn chế vẫn còn tồn tại. Các hạn chế này liên quan đến 3 khía cạnh chính, đó là hạn chế về chính sách liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài, hạn chế về chính sách cho người xuất khẩu lao động và hạn chế về chính sách thu hút sử dụng kiều hối.

Cho đến nay, Việt Nam chưa có chính sách thỏa đáng trong việc phối hợp với các nước sở tại giúp cải thiện các điều kiện phát triển bền vững đội ngũ người Việt Nam ở nước ngoài. Vai trò của Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài vẫn còn hạn chế. Hơn nữa, các chính sách của Việt Nam mới chú trọng phần nhiều đến việc thu hút dòng chảy kiều hối, còn các biện pháp nhằm dịch chuyển nguồn lực này trực tiếp vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh vẫn còn hạn chế. Các chính sách khuyến khích khởi nghiệp từ dòng kiều hối vẫn chưa thỏa đáng.

Đối với dòng kiều hối chảy vào tiêu dùng, mặc dù về mặt lý luận có thể gia tăng tổng cầu và từ đó dẫn đến gia tăng đầu tư nhưng vẫn chưa có chính sách bài bản để dẫn dắt khoản tiêu dùng này làm tăng tổng cầu sản phẩm, dịch vụ hàng hóa nội địa chứ không phải là tăng nhu cầu của các hàng hóa nhập khẩu.

Bên cạnh đó, khi VNĐ chưa thể là đồng tiền tự do chuyển đổi thì lượng kiều hối sẽ khó có thể thu hút triệt để vào hệ thống ngân hàng. Khu vực tư nhân và dân cư vẫn còn nắm giữ nhiều ngoại tệ. Điều này tạo ra nghịch lý là nhiều khi cán cân thanh toán thặng dư nhưng cung cầu ngoại tệ (nhất là ngoại tệ có khả năng chuyển đổi) vẫn căng thẳng, tạo sức ép lên tỷ giá hối đoái. Mặt khác, nghị định 63/NĐ-CP về quản lý ngoại hối quy định cá nhân không được dùng ngoại tệ để thanh toán cho các giao dịch trong nước trong khi lại cho phép người thụ hưởng được nhận kiều hối bằng ngoại tệ tiền mặt. Vì vậy, trên thực tế vẫn có giao dịch trong nước sử dụng ngoại tệ để thanh toán. Vì vậy, trong thời gian tới vẫn cần phải có những giải pháp quyết liệt và đồng bộ về chính sách như trình bày ở mục 4.

4. Một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính sách về kiều hối nhằm thúc đẩy đầu tư phát triển tại Việt Nam

4.1. Các chính sách liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài

Tích cực hỗ trợ cộng đồng người Việt ở nước ngoài (bao gồm cả định cư và lao động xuất khẩu) có điều kiện phát triển ổn định, thường xuyên mở các lớp học tiếng Việt, tổ chức các hội trại, hỗ trợ cung cấp sách báo, trường học nhằm tăng cường gắn kết người Việt hải ngoại và quê hương.

Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm tạo điều kiện cho doanh nhân, trí thức kiều bào về Việt Nam làm việc, đầu tư, kinh doanh; có chính sách hợp lý khuyến khích thành lập các hiệp hội hoặc hội nghề nghiệp, ngành nghề, mở rộng hợp tác trong cộng đồng và thiết lập các mối quan hệ với quê hương. Ưu đãi thỏa đáng hơn cho đầu tư từ Việt kiều.

Đầu tư phát triển các cơ sở điều dưỡng, nghỉ ngơi phù hợp dành cho người Việt Nam cao tuổi ở nước ngoài muốn về định cư, dưỡng lão tại quê hương. Đầu tư phát triển hệ thống du lịch thu hút Việt kiều.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và nhân sự Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; tăng cường kinh phí, cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác vận động cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Ngoại giao và các cấp chính quyền trong quản lý kiều hối và phối hợp quản lý kiều hối.

4.2. Chính sách đối với lao động xuất khẩu

Nhà nước cần xác định rõ vai trò của mình trong phát triển thị trường lao động ngoài nước; đầu tư nguồn lực nhất định để nghiên cứu thị trường; có thể cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia xuất khẩu lao động. Ban hành quy định về mức lương tối thiểu và chi phí môi giới tối đa để giảm chi phí gia nhập thị trường, đảm bảo lợi ích của người lao động, giảm mặt trái của cơ chế thị trường trong hoạt động xuất khẩu lao động.

Tạo cơ chế bình đẳng giữa các chủ thể tham gia thị trường lao động xuất khẩu: nhà nước, doanh nghiệp, người lao động xuất khẩu. Có các biện pháp hỗ trợ để tăng năng lực của người lao động trong khả năng tự chịu trách nhiệm của người lao động.

Nhà nước có thể có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động. Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu lao động về thông tin. Có cơ chế để tăng cường hơn nữa các trao đổi thông tin giữa các hiệp hội nghề nghiệp trong nước với các tổ chức Việt kiều và người lao động xuất khẩu để tận dụng cơ hội lao động cũng như hợp tác đào tạo tay nghề cho lao động xuất khẩu. Hỗ trợ người xuất khẩu lao động khởi nghiệp sau khi hồi hương. Trong giáo dục đào tạo, cần tăng cường đào tạo về nhận thức, tư duy, kỹ năng khởi nghiệp.

Chính phủ cần chú trọng hơn đến việc ký kết hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia trong việc bảo vệ quyền lợi của người lao động xuất khẩu.

4.3. Các chính sách liên quan đến kiều hối và sử dụng kiều hối

Tiếp tục tái cấu trúc hệ thống ngân hàng nhằm tăng niềm tin của công chúng nói chung và người dân thụ hưởng kiều hối nói riêng vào hệ thống ngân hàng. Phân đấu để VNĐ thành một đồng tiền tự do chuyển đổi. Ngân hàng Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ xây dựng và phê duyệt phương án hiện đại hóa công nghệ, đào tạo cán bộ, mở rộng địa bàn hoạt động, đa dạng hóa mạng lưới công cụ huy động kiều hối vào ngân hàng như chứng chỉ tiền gửi ngân hàng, thẻ đa năng, trái phiếu kiều bào, trái phiếu người lao động xuất khẩu, các quỹ đầu tư... Có chính sách khuyến khích các ngân hàng thương mại nâng cấp trang thiết bị, công nghệ và nhân lực làm công tác tiếp nhận và chi trả kiều hối.

Có chính sách hợp lý khuyến khích người dân bán ngoại tệ từ nguồn kiều hối cho hệ thống ngân hàng. Khuyến khích người dân gửi ngoại tệ có nguồn gốc kiều hối vào ngân hàng với lãi suất ưu đãi. Nâng mức ngoại tệ cá nhân mang theo người khi nhập cảnh vào Việt Nam không phải khai báo. Ngoài chính sách về chế độ sử dụng ngoại tệ cá nhân, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan cần thực hiện tốt chính sách lãi suất, tỷ giá, ổn định kinh tế vĩ mô đảm bảo lợi ích của cá nhân nắm giữ đồng nội tệ. Phát triển hệ thống thanh toán tạo ra nhiều thuận lợi trong thu hút kiều hối.

Có chính sách kiểm soát chất lượng, nâng cao uy tín và vị thế của hàng Việt Nam nhằm dẫn dắt tiêu dùng của công chúng vào hàng Việt Nam để tăng tổng cầu và khuyến khích doanh nghiệp nội địa đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư: tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, chú trọng vào việc xây dựng, sửa đổi và bổ sung các quy định của pháp luật, các cơ chế chính sách cải thiện môi trường kinh doanh, các chính sách về quyền sở hữu tài sản, sở hữu trí tuệ, các quy định về phá sản, giải thể, cạnh tranh... Có chính sách thuế phù hợp đối với kiều bào và người lao động xuất khẩu đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Có thể kéo dài thời gian khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của người xuất khẩu lao động. Đồng thời, xây dựng cơ chế vận hành đồng bộ đối với các thị trường hàng hóa, lao động, chứng khoán, bất động sản, khoa học công nghệ... bảo đảm phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và

hạ tầng đô thị lớn. Có cơ chế, chính sách ưu đãi hơn để huy động các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực, đổi mới quy trình quản lý, sản xuất và dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến thu hút đầu tư từ đăng ký kinh doanh, khai báo thuế, thuê đất... của các cá nhân, hộ gia đình, kiều bào đầu tư trực tiếp sản xuất kinh doanh, tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục xuất nhập cảnh, đăng ký công dân, đăng ký thường trú, mua nhà và sở hữu nhà; bổ sung các chính sách bảo hiểm tự nguyện, thành lập các quỹ hưu trí tạo điều kiện cho kiều bào và người lao động xuất khẩu trở về nước được hưởng chế độ bảo hiểm, hưu trí tại Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

D. Ratha, S. Mohapatra & A. Silwal (2011), *Outlook for Remittance Flows 2012-2014*, World Bank.

Ngọc Toàn (2015), *Việt Nam nằm trong top 15 nước nhận được kiều hối nhiều nhất năm 2015*, <http://cafef.vn/tai-chinh-ngan-hang/viet-nam-nam-trong-top-15-nuoc-nhan-duoc-kieu-hoi-nhieu-nhat-nam-2015-20151213114815373.chn>, ngày 13 tháng 12 năm 2015.

Nguyễn Xuân Thành (2004) & Phạm Thị Phương Anh, ‘*Một số vấn đề về thu hút và quản lý kiều hối*’, *Tạp chí Ngân hàng*, 11, tr26-28.

Phan Long (2014), “*Kiều bào – nguồn lực không thể tách rời*”, trên <http://baodautu.vn/kieu-bao-nguon-luc-khong-the-tach-roi-d16053.html>

Võ Trí Thành (2015), *Kiều hối về Việt Nam dùng để làm gì ?*, Tuần Vietnamnet 2015, <http://vietnamnet.vn/vn/tuan-vietnam/232623/kieu-hoi-ve-vn-da-duoc-dung-lam-gi.html>

Thông tin tác giả

* **Phạm Văn Hùng**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Đầu tư, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, đầu tư trực tiếp nước ngoài, Thị trường vốn...

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Kinh tế và Phát triển*, *Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, *Tạp chí Tài chính*, *Tạp chí Cộng sản*, *International Journal of Development Research* ...

- Địa chỉ Email: hungpv@neu.edu.vn

** **Trần Thanh Long**, Thạc sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Công ty nhiên liệu bay Petrolimex

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Ngân hàng

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Tài chính*, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*

- Địa chỉ Email: Longtl@gmail.com